

PHỤ LỤC 02
TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO
XÂY DỰNG MỚI NHÀ Ở HOẶC SỬA CHỮA NHÀ Ở HIỆN CÓ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Thông tin về thành viên đại diện hộ gia đình		Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ		Kinh phí hỗ trợ xây dựng mới	Kinh phí hỗ trợ sửa chữa	Ghi chú
	Họ và tên	Năm sinh					
			Thôn, xóm, khu dân cư	xã, phường, thị trấn			
I	Thành phố Hải Dương				4,400	1,350	
1	Nguyễn Thị Y	1950	Tầng Thượng	Liên Hồng	100		
2	Lê Thị Quý	1957	Tầng Thượng	Liên Hồng		50	
3	Nguyễn Văn Tuyên	1949	Đồng Lại	Liên Hồng		50	
4	Nguyễn Thị Mến	1984	Nam Thượng	An Thượng	100		
5	Trần Thị Huyền	1960	Khu 2	Nhị Châu		50	Điều chỉnh năm sinh 1961 thành 1960
6	Trần Văn Toàn	1950	Khu 2	Nhị Châu		50	
7	Trần Thị Tuất	1957	Khu 2	Nhị Châu		50	
8	Vũ Tiến Hưng	1983	Khu 6	Nhị Châu	100		
9	Nguyễn Đăng Khoa	1961	Khu 1	Thanh Bình	100		
10	Nguyễn Hữu Xuyên	1978	Khu 5	Thanh Bình		50	
11	Đỗ Huy Toàn	1945	Khu 9	Thanh Bình	100		
12	Trương Thị Toan	1960	Khu Khuê Chiền	Tân Hưng	100		
13	Phạm Thị Mão	1950	Khu Liễu Tràng	Tân Hưng	100		
14	Nguyễn Thị Na	1977	Khu Bảo Thái	Tân Hưng	100		
15	Nguyễn Văn Trường	1942	Khu Bảo Thái	Tân Hưng	100		
16	Nguyễn Thị Hải Yến	1943	Khu 3	Tân Bình	100		
17	Hoàng Thị Thời	1951	Khu 3	Tân Bình	100		
18	Nguyễn Văn Tường	1975	Khu 5	Tân Bình	100		
19	Phạm Thị Phương Mai	1959	Khu 5	Tân Bình		50	
20	Lê Văn Liêm	1973	Khu 2	Tân Bình	100		
21	Nguyễn Thị Hiền	1978	Khu 4	Tân Bình	100		SC sang XM
22	Nguyễn Văn Thanh	1977	Khu Phú Tảo	Thạch Khôi	100		
23	Nguyễn Văn Quảng	1975	Khu Phú Tảo	Thạch Khôi	100		
24	Nguyễn Thị Hoán	1956	Khu 2	Thạch Khôi	100		
25	Nguyễn Đình Chiên	1954	Khu Nguyễn Xá	Thạch Khôi		50	
26	Nguyễn Thị Tơ	1958	Khu Thái Bình	Thạch Khôi		50	
27	Tăng Văn Độ	1979	Khu Phú Tảo	Thạch Khôi	100		
28	Đồng Thị Hợp	1952	Tranh Đấu	Gia Xuyên		50	
29	Tăng Thị Lệ Quy	1971	Đồng Bào	Gia Xuyên		50	
30	Phan Văn Nga	1959	Đồng Bào	Gia Xuyên	100		
31	Lê Thị Thẩn	1951	Hoàng Xá 1	Quyết Thắng	100		

32	Nguyễn Thị Xuân Thu	1968	Vũ La	Nam Đồng		50	
33	Lê Thị Quả	1965	Khánh Hội	Nam Đồng		50	
34	Lê Thị Hòa	1968	Khánh Hội	Nam Đồng	100		
35	Nguyễn Thị Tiên	1955	Khánh Hội	Nam Đồng	100		
36	Nguyễn Văn Tước	1957	Du Tái	Tiền Tiến	100		
37	Hoàng Thị Vinh	1950	Cập Nhất 1	Tiền Tiến		50	
38	Nguyễn Thị Mừng	1956	Cập Nhất 2	Tiền Tiến	100		
39	Đào Văn Tèo	1963	Cập Nhất 3	Tiền Tiến		50	
40	Nguyễn Thị Ngọc	1980	Cập Nhất 3	Tiền Tiến	100		
41	Nguyễn Thị Ân	1967	Cập Nhất 3	Tiền Tiến		50	
42	Đỗ Thị Khuyên	1957	Du Tái	Tiền Tiến	100		SC sang XM
43	Văn Thị Thao	1961	Du Tái	Tiền Tiến		50	
44	Nguyễn Văn Tám	1960	Cập Thượng 2	Tiền Tiến	100		
45	Nguyễn Thị Phượng	1963	Cập Nhất 1	Tiền Tiến	100		
46	Nguyễn Thị Lan	1977	Cập Nhất 1	Tiền Tiến	100		
47	Lê Văn Trường	1979	Cập Nhất 3	Tiền Tiến	100		
48	Nguyễn Thị Duy	1964	Cập Nhất 3	Tiền Tiến	100		
49	Hoàng Thị Nguyên	1970	Cập Nhất 3	Tiền Tiến	100		
50	Nguyễn Bá Ao	1958	Khu 2	Quang Trung		50	
51	Vũ Thị Huân	1962	Đồng Pháp	Ái Quốc	100		
52	Võ Thị Nhời	1963	Vũ Xá	Ái Quốc	100		
53	Vũ Thị Lành	1956	Khu 6	Nguyễn Trãi		50	
54	Trần Trọng Phúc	1963	Khu 7	Nguyễn Trãi		50	
55	Trần Thị Thỏa	1972	Khu 10	Bình Hàn		50	
56	Vũ Thị Cường	1964	Khu 2	Lê Thanh Nghị	100		
57	Lưu Văn Thuê	1965	Phạm Xá	Ngọc Sơn	100		
58	Tăng Bá Thư	1954	Nghiên Phần	Gia Xuyên		50	
59	Giang Thị Quế	1948	Phú Lương	Nam Đồng	100		
60	Nguyễn Thị Đủ	1969	Khánh Hội	Nam Đồng		50	
61	Nguyễn Thị Duyên	1952	Hoàng Xá 1	Quyết Thắng	100		
62	Hoàng Văn Lụt	1969	Khu Vũ Xá	Ái Quốc		50	
63	Vũ Thị Minh Thuyên	1972	Khu Văn Xá	Ái Quốc	100		
64	Hoàng Thị Tám	1954	Thôn Phú Triều	Liên Hồng	100		
65	Nguyễn Thị Tiến	1966	Cập Thượng 1	Tiền Tiến	100		
66	Hoàng Thị Bốn	1946	Cập Thượng 1	Tiền Tiến		50	
67	Đỗ Thị Hà	1964	Cập Thượng 2	Tiền Tiến	100		

68	Đào Thị Lai	1958	Cập Nhất 3	Tiền Tiến	100		
69	Hoàng Thị Ý	1955	Cập Nhất 1	Tiền Tiến		50	
70	Vũ Anh Tuấn	1981	Khu 7	Nguyễn Trãi	100		Điều chỉnh năm sinh 1982 thành 1981
71	Hứa Như Khôi	1952	Khu 13	Bình Hàn		50	Điều chỉnh từ Khu 10 thành Khu 13
II	Thành phố Chí Linh				3,100	1,600	
1	Nguyễn Văn Gia	1946	Bạch Đằng	Nhân Huệ		50	
2	Đặng Thị Tuyền	1953	Chí Linh 3	Nhân Huệ		50	
3	Đặng Thị Thoa	1970	Phú Lợi	Bến Tắm	100		
4	Nguyễn Thị Dung	1962	Phú Lợi	Bến Tắm	100		
5	Nguyễn Thị Thư	1947	Trường Quan	Bến Tắm		50	
6	Vũ Ngọc Huy	1991	Chê Biền	Bến Tắm	100		
7	Nguyễn Thế Anh	1984	Chê Biền	Bến Tắm	100		
8	Vũ Thế Hùng	1984	Trường Quan	Bến Tắm	100		
9	Phạm Văn Học	1981	Trại Gạo	Bến Tắm	100		
10	Nguyễn Văn Hùng	1954	Tiền Định	Cộng Hòa	100		
11	Nguyễn Văn Thế	1985	Bích Động Tân Tiến	Cộng Hòa	100		
12	Nguyễn Thị Ứng	1953	Chúc Thôn	Cộng Hòa		50	
13	Hoàng Thị Thom	1932	Chúc Thôn	Cộng Hòa		50	
14	Nguyễn Thị Dây	1955	Chúc Cương	Cộng Hòa		50	XM sang SC
15	Nguyễn Thị Hào	1960	Tiền Định	Cộng Hòa	100		
16	Nguyễn Đình Vĩnh	1960	Tân Tiến	Hoàng Tiến	100		SC sang XM
17	Nguyễn Thị Hương	1968	Hoàng Gián Mới	Hoàng Tiến	100		
18	Nguyễn Thị Lan	1978	Nguyễn Trãi 1	Sao Đỏ	100		
19	Nguyễn Duy Vinh	1978	Thái Học 2	Sao Đỏ		50	
20	Nguyễn Xuân Việt	1946	Thái Học 3	Sao Đỏ		50	
21	Đặng Thị Thắm	1972	Thái Học 3	Sao Đỏ		50	
22	Vũ Thị An	1958	Mít Sắt	Thái Học		50	
23	Vũ Thị Chi	1954	Mít Sắt	Thái Học		50	
24	Trần Văn Nhỡ	1958	Nội	Tân Dân		50	
25	Hoàng Thị Lụa	1954	Nội	Tân Dân		50	
26	Trần Thị Hoà	1954	Vọng Cầu	Tân Dân	100		
27	Mạc Thị Cường	1958	Triều	Tân Dân		50	
28	Lê Thị Duyên	1952	Mạc Động	Tân Dân		50	

29	Trần Thị Lâm	1954	Giang Hạ	Tân Dân	100		
30	Ngô Thị Quân	1963	Kỹ Sơn Trên	Tân Dân		50	
31	Dương Văn Hưng	1973	Kỹ Sơn Dưới	Tân Dân		50	
32	Nguyễn Văn Bình	1984	Trại Nê	An Lạc	100		
33	Nguyễn Thị Xuân	1959	Bờ Đa	An Lạc		50	
34	Nguyễn Thị Châm	1958	Kênh Mai 1	Văn Đức		50	
35	Nguyễn Thị Điệp	1964	Kênh Mai 1	Văn Đức	100		
36	Nguyễn Huy Kiên	1966	Tân Lập	Hoàng Hoa Thám	100		
37	Đặng Thị Gái	1961	Vạn Yên	Hung Đạo	100		
38	Nguyễn Thị Hoà	1956	Kiệt Đông	Văn An	100		
39	Nguyễn Văn Luân	1988	Kiệt Đoài	Văn An		50	
40	Nguyễn Văn Bình		Trại Sen	Văn An	100		
41	Nguyễn Thị Thái	1950	Thông Lộc	Cổ Thành		50	
42	Nguyễn Thị Hạnh	1951	Lý Dương	Cổ Thành		50	
43	Đỗ Văn Thành	1990	Phao Tân	Cổ Thành		50	
44	Đồng Văn Miên	1949	Cổ Châu	Cổ Thành		50	
45	Nguyễn Thị Thanh	1961	Trụ Hạ	Đồng Lạc		50	
46	Vũ Văn Việt	1977	Trụ Hạ	Đồng Lạc		50	
47	Phạm Văn Đoàn	1985	An Mô	Lê Lợi	100		
48	Nguyễn Thị Thắm	1936	Trung Quê	Lê Lợi	100		
49	Nguyễn Thị Quyên	1978	Trung Quê	Lê Lợi	100		
50	Nguyễn Thị Hà	1959	Lộc Đa	Bắc An		50	
51	Nguyễn Thị Tinh	1951	Bãi Thảo 2	Bắc An		50	
52	Lương Viết Thanh	1986	Độ Xá	Hoàng Tân		50	
53	Trần Thị Biên	1964	Độ Xá	Hoàng Tân	100		
54	Lương Quang Hà	1933	Đại Lộ	Hoàng Tân		50	
55	Nguyễn Duy Điền	1965	Số 2	Phả Lại	100		
56	Nguyễn Thị Chiến	1958	Số 6	Phả Lại	100		
57	Vũ Văn Tân	1957	Số 9	Phả Lại		50	
58	Nguyễn Thị Cúc	1973	số 10	Phả Lại	100		
59	Phạm Văn Thu	1956	Số 12	Phả Lại		50	
60	Nguyễn Thị Lan	1961	Hoàng Gián Cũ	Hoàng Tiến	100		
61	Bùi Duy Lương	1952	Hoàng Gián Cũ	Hoàng Tiến	100		
62	Nguyễn Văn Đăng	1968	Phục Thiện	Hoàng Tiến	100		
63	Dương Thị Xây	1953	Phục Thiện	Hoàng Tiến	100		SC sang XM
III	Thị xã Kinh Môn				6,600	600	
1	Nguyễn Văn Thắng	1960	KDC Tây Sơn	Hiệp An	100		
2	Nguyễn Văn Đức	1956	KDC Tây Sơn	Hiệp An	100		
3	Nguyễn Thị Thoa	1944	KDC Tây Sơn	Hiệp An	100		
4	Nguyễn Đình Phàn	1949	KDC Ngư Uyên	Long Xuyên	100		
5	Lê Thị Xin	1953	KDC Linh Đông	Phạm Thái	100		
6	Nguyễn Thị Bích	1957	KDC Quảng Trí	Phạm Thái	100		

7	Nguyễn Thị Nỗi	1950	KDC Trí Giả	Phạm Thái		50	
8	Nguyễn Văn Quảng	1988	KDC Vũ An	Phạm Thái	100		
9	Nguyễn Văn Thuận	1961	An Bộ	Hiệp Hòa	100		
10	Nguyễn Văn Cẩn	1978	An Bộ	Hiệp Hòa		50	
11	Lương Thị Lanh	1958	Đích Sơn	Hiệp Hòa	100		
12	Mạc Thị Dệt	1957	Khu 2	Phú Thù	100		
13	Trần Thị Xinh	1956	Khu 2	Phú Thù		50	
14	Nguyễn Thị Nghi	1951	Khu 3	Phú Thù	100		
15	Hoàng Văn Tâm	1951	Khu 3	Phú Thù	100		
16	Vũ Thị Hồng Minh	1989	Khu 5	Phú Thù	100		
17	Nguyễn Thị Sóng	1955	Khu 7	Phú Thù	100		
18	Hoàng Văn Chính	1972	KDC Hiệp Thạch	Hiệp Sơn	100		
19	Hoàng Văn Bắc	1973	KDC Hiệp Thạch	Hiệp Sơn	100		
20	Trần Thị Mỹ	1959	KDC Hiệp Thượng	Hiệp Sơn	100		
21	Cao Thị Cẩn	1956	KDC Hiệp Thượng	Hiệp Sơn	100		
22	Trần Văn Cảnh	1982	KDC Nhất Sơn	Thái Thịnh	100		
23	Nguyễn Văn Đền	1950	KDC Tổng Buồng	Thái Thịnh	100		
24	Nguyễn Thị Nhời	1948	KDC Tổng Buồng	Thái Thịnh	100		
25	Phùng Thị Miến	1956	KDC Sơn Khê	Thái Thịnh		50	
26	Tô Thị Mùi	1952	Thôn Thái Mông	Quang Thành		50	
27	Trần Thị Tấn	1949	Thôn Miêu Nha	Quang Thành		50	
28	Phạm Thị Gái		KDC Phụ Sơn	An Lưu	100		
29	Trần Văn Dục	1959	KDC An Trung	An Lưu	100		
30	Nguyễn Thị Thu	1970	KDC Kinh Hạ	An Lưu	100		
31	Lê Thị Thanh	1955	KDC Phụ Sơn	An Lưu	100		
32	Nguyễn Thị Chuy	1940	KDC Nghĩa Lộ	Duy Tân	100		
33	Tạ Văn Dân	1990	KDC Nghĩa Lộ	Duy Tân	100		
34	Thân Thị Bình	1958	KDC Châu Xá	Duy Tân	100		
35	Nguyễn Thị Tiến	1948	KDC Duyên Linh	Duy Tân	100		
36	Nguyễn Thị Hiệp	1988	Thôn Lê Xá	Lê Ninh	100		
37	Ngô Thị Tước	1955	Thôn Lê Xá	Lê Ninh	100		
38	Ngô Thị Xô	1960	Thôn Lê Xá	Lê Ninh	100		
39	Nguyễn Thị Vệt	1952	Thôn Nội Hợp	Lê Ninh	100		
40	Nguyễn Văn Hải	1950	Thôn Ninh Xá	Lê Ninh	100		
41	Bùi Thị Viên	1944	Thôn Nội	Minh Hòa		50	
42	Trương Thị Tươi	1957	Thôn Nội	Minh Hòa	100		
43	Vũ Thị Liên	1963	Thôn Ngoại	Minh Hòa	100		
44	Bùi Thị Liên	1975	Thôn Ngoại	Minh Hòa	100		
45	Nguyễn Thị Đông	1955	Thôn Ngoại	Minh Hòa		50	
46	Vũ Văn Đuộm	1954	Thôn Ngoại	Minh Hòa	100		
47	Nguyễn Thị Chinh	1991	Thôn Ngoại	Minh Hòa	100		
48	Đỗ Thị Bền	1986	Thôn Nội	Minh Hòa	100		

49	Trần Thị Không	1951	Thôn Nội	Minh Hòa	100		
50	Trương Thị Hà	1989	Thôn Ngoại	Minh Hòa	100		
51	Vũ Văn Tắp	1974	Thôn Nội	Minh Hòa	100		
52	Dương Văn Đẩu	1960	Thôn Ngoại	Minh Hòa		50	XM sang SC
53	Mạc Thị Hòa	1947	Thôn Kim Lôi	Bạch Đằng	100		
54	Đỗ Thị Bé	1938	Thôn Kim Lôi	Bạch Đằng	100		
55	Nguyễn Văn Nga	1958	Thôn Kim Lôi	Bạch Đằng	100		
56	Ngô Văn Thoan	1960	Thôn Trạm Lộ	Bạch Đằng	100		
57	Phạm Thị Thiều	1954	Khu DC Thượng Trà	Tân Dân	100		
58	Nguyễn Thị Tân	1949	Khu DC Thượng Trà	Tân Dân	100		
59	Phạm Văn Ngọc	1935	KDC Kim Đồng	Tân Dân	100		
60	Lê Văn Khoan	1942	KDC Kim Đồng	Tân Dân		50	
61	Nguyễn Thị Tuyên	1979	KDC Thượng Chiêu	Tân Dân	100		Điều chỉnh KDC
62	Nguyễn Văn Xuyên	1971	Thôn Phương Quất	Lạc Long	100		
63	Hoàng Văn Yên	1947	Thôn Ngô Đồng	Lạc Long		50	
64	Trần Thị An	1950	Thôn Xuân Cầu	Lạc Long	100		
65	Nguyễn Văn Nghĩa	1980	Thôn Bán Trại	Thượng Quận	100		
66	Vũ Thị May	1946	Thôn Bán Trại	Thượng Quận	100		
67	Nguyễn Thị Sim	1968	Thôn La Xá	Thượng Quận	100		
68	Nguyễn Văn Trường	1966	Thôn Khuê Bích	Thượng Quận	100		
69	Nguyễn Đức Vượng	1971	Thôn Bán Trại	Thượng Quận		50	
70	Nguyễn Đức Học	1943	Thôn Thượng Xá	Thượng Quận	100		
71	Bùi Văn Minh	1960	Thôn Quế Lĩnh	Thượng Quận	100		
72	Cao Thị Hiền	1977	KDC Phụng Hoàng	Thất Hùng	100		
73	Nguyễn Thị Nguyệt	1958	KDC Phụng Hoàng	Thất Hùng	100		
74	Đàm Thị Vân	1956	KDC Pháp Chế	Thất Hùng	100		
75	Nguyễn Văn Bán	1966	KDC Pháp Chế	Thất Hùng	100		
76	Vũ Thị Thoa	1955	KDC Hán Xuyên	Thất Hùng	100		
77	Nguyễn Văn Lờ	1960	KDC Vũ Xá	Thất Hùng	100		
78	Phạm Thị Huệ (Phạm Thị Huệ)	1961	KDC Bích Nhôi 2	Minh Tân	100		Sửa tên
IV	Huyện Kim Thành				1,400	250	
1	Lương Quảng Đại	1986	Thái Nguyên	Hòa Bình	100		
2	Phí Thị Lân	1972	Trung Tuyển	Hòa Bình	100		
3	Phạm Thị Hương	1960	Cam Thượng	Tuấn Việt		50	
4	Nguyễn Ngọc Cù	1960	Phạm Xá 2	Tuấn Việt	100		
5	Dương Thị Lan	1952	Thiện Đáp	Kim Xuyên	100		
6	Đặng Văn Thân	1968	Phù Tãi 1	Kim Đính	100		
7	Phạm Thị Nguyên	1959	Thôn Chuẩn Thùng	Kim Đính	100		
8	Nguyễn Văn Lân	1963	Thiên Xuân	Kim Tân	100		
9	Phạm Văn Bài	1962	Thiên Xuân	Kim Tân	100		
10	Đặng Thị Nga	1952	Viên Chử	Kim Tân	100		

11	Nguyễn Văn Mọc	1938	Thôn Kỳ Côi	Tam Kỳ	100		
12	Nguyễn Thị Hoa (Lê Thị Hoa)	1990	Thôn Kỳ Côi	Tam Kỳ	100		Sửa tên
13	Lê Thị Kĩ	1956	Đồng Kênh	Tam Kỳ		50	
14	Cao Thị Thơm	1962	Tân Thành	Kim Anh		50	
15	Trần Thị Nghiên	1950	Văn Minh	Kim Anh	100		
16	Vũ Văn Thiêng	1927	Văn Thọ	Đại Đức	100		
17	Nguyễn Thị Phìn	1951	Lộng Khê	Đại Đức	100		
18	Nguyễn Thị Uôn	1954	Thượng Đỗ 2	Vũ Dũng		50	
19	Nguyễn Thị Hợi	1959	Thắng Yên	Vũ Dũng		50	
V	Huyện Thanh Hà				2,000	100	
1	Phạm Thị Hường	1947	Xóm 3, Lang Can 2	Thanh Lang	100		
2	Bùi Thị Hảo	1948	Xóm 4, Lang Can 2	Thanh Lang	100		
3	Phạm Thị My	1968	Thôn 2	Thanh Tân	100		
4	Phạm Văn Hương	1963	Lại Xá 2	Thanh Tân	100		
5	Mạc Thị Ngân	1950	Thôn 2	Thanh Tân	100		
6	Quách Thị Ngọc	1954	Thôn 1	Thanh Tân	100		
7	Nguyễn Thị Hiền	1963	Thôn 2	Thanh Tân	100		
8	Đỗ Thị Thi	1956	Trường Giang	Thanh Xuân	100		
9	Nguyễn Thị Ngọc	1949	Phù Tinh	Thanh Quang	100		
10	Nguyễn Thị Thanh	1968	Phù Tinh	Thanh Quang		50	
11	Lê Thị Miên	1963	Phúc Giới	Thanh Quang	100		
12	Hoàng Văn Tân	1954	Bá Nha	Thanh Quang		50	
13	Nguyễn Văn Kiên	1962	Xóm 7, thôn Tiêu Xá	Liên Mạc	100		
14	Lê Thị Bé	1956	Kỳ Tây	Cẩm Việt	100		
15	Nguyễn Thị Dàn	1952	Tiên Kiều	Thanh Hồng	100		
16	Ngô Thị Hiền	1956	Lập Lễ	Thanh Hồng	100		SC sang XM
17	Nguyễn Thị Sửu	1968	Lương Lại	An Phụng	100		
18	Phạm Thị Biển	1968	Ngoại Đàm	An Phụng	100		
19	Đỗ Thị Hoan	1975	Ngoại Đàm	An Phụng	100		
20	Nguyễn Thị Non	1956	Phượng Đầu	An Phụng	100		
21	Nguyễn Thị Miên	1977	Phượng Đầu	An Phụng	100		
22	Nguyễn Ngọc Thuận	1958	Thành Thịnh	Vĩnh Cường	100		
VI	Huyện Nam Sách				1,300	450	
1	Mạc Thị Hoa	1974	Long Động	Nam Tân		50	
2	Trần Thị Tầm	1949	Quảng Tân	Nam Tân	100		
3	Tân Thị Long	1960	Quảng Tân	Nam Tân		50	
4	Tô Thị Tuấn	1964	Trung Hà	Nam Tân	100		
5	Trần Thị Hậu	1966	Trực Trì	Quốc Tuấn	100		
6	Phạm Thị Phiên	1957	Phú Xuyên	An Phú	100		
7	Nguyễn Thị Xuyên	1960	Đông Nghĩa	An Phú		50	
8	Đỗ Huy Thế	1960	Thượng Đáp	Thị trấn Nam Sách	100		
9	Đỗ Huy Giáo	1972	Thượng Đáp	Thị trấn Nam Sách	100		

10	Đặng Thị Viên	1958	Côi Hưng Sơn	An Sơn		50	
11	Đỗ Thị Khay	1966	Nhuế Sơn	An Sơn	100		SC sang XM
12	Hoàng Thị Cầu	1938	Hùng Thắng	Minh Tân	100		
13	Hoàng Văn Hoi	1959	Uông Hạ	Minh Tân	100		
14	Hoàng Thị Chuyển	1957	Mỹ Xá	Minh Tân	100		
15	Hồ Duy Hương	1983	Mạn Đê	Trần Phú	100		
16	Đồng Thị Phượng	1958	Bịch Tây	Trần Phú		50	
17	Cần Đình Đăng	1932	Bịch Đông	Trần Phú		50	
18	Phạm Thị Thuận	1956	Quan Đình	Đồng Lạc		50	
19	Nguyễn Thị Vân	1985	Nhân Lễ	Đồng Lạc	100		
20	Trần Văn Hải	1957	Quan Đình	Đồng Lạc	100		
21	Mạc Thị Thắm	1962	Nhân Lễ	Đồng Lạc		50	
22	Phạm Văn Lùng	1945	Tân Thắng	Thái Tân		50	
VII	Huyện Tứ Kỳ				3,700	2,250	
1	Nguyễn Thị Tiêm	1937	Mạc	Dân An	100		
2	Nguyễn Văn Sơn	1955	La Xá	Dân An		50	
3	Phạm Thị Pha	1938	Cao La	Dân An		50	
4	Nguyễn Thị Liễu	1948	Cao La	Dân An		50	
5	Nguyễn Thị Na	1949	Đồng Bình	Dân An	100		
6	Đào Văn Diên	1957	Đại Hà	Hà Kỳ	100		
7	Phạm Thị Ngừng	1957	Trạch Lộ	Hà Kỳ	100		
8	Hà Duy Hà	1965	Hà Hải	Hà Kỳ	100		
9	Trương Thị Liên	1960	Ngọc Chấn	Kỳ Sơn	100		
10	Nguyễn Thị Đô	1960	An Nhân Tây	Thị trấn Tứ Kỳ	100		
11	Nguyễn Thị Là	1959	An Nhân Đông	Thị trấn Tứ Kỳ		50	
12	Nguyễn Văn Thỏ	1948	An Nhân Đông	Thị trấn Tứ Kỳ	100		
13	Đặng Thị Quyên	1974	Tri Lễ	Hà Thanh	100		
14	Đặng Thị Quát	1948	Tri Lễ	Hà Thanh		50	
15	Nguyễn Thị Liên	1953	Tri Lễ	Hà Thanh		50	
16	Phạm Thị Tơ	1957	Thanh Bình	Hà Thanh	100		
17	Phạm Thị Ngạn	1953	Hàm Cách	Hà Thanh		50	
18	Lưu Thùy Trang	2007	Hữu Chung	Hà Thanh		50	
19	Nguyễn Văn Trường	1948	Hữu Chung	Hà Thanh		50	
20	Trần Văn Tâm	1958	Hữu Chung	Hà Thanh		50	
21	Vũ Thị Băng	1962	Hữu Chung	Hà Thanh		50	
22	Nguyễn Thị Sương	1954	Hữu Chung	Hà Thanh		50	
23	Phạm Thị Phần	1961	Kiều Long	Hà Thanh		50	
24	Nguyễn Thị Hà	1987	Tri Lễ	Hà Thanh		50	
25	Nguyễn Thị Miên	1961	Thanh Bình	Hà Thanh	100		
26	Nguyễn Thị Vụ	1946	Bình Cách	Hà Thanh		50	
27	Phạm Thị Hằng	1977	Bình Cách	Hà Thanh		50	
28	Phạm Thị Ga	1949	Thanh Kỳ	An Thanh	100		

29	Phạm Thị Riu	1954	Thanh Kỳ	An Thanh	100		
30	Trịnh Thị Sáp	1939	Thanh Kỳ	An Thanh		50	
31	Phạm Thị Nhuận	1952	Thanh Kỳ	An Thanh	100		
32	Đoàn Thị Tâm	1980	An Định	An Thanh	100		
33	Phạm Thị Hồng	1950	An Lao	An Thanh	100		
34	Phạm Văn Tèo	1932	An Lao	An Thanh		50	
35	Vũ Thị Tình	1955	Nhũ Tinh	Quang Khải	100		
36	Nguyễn Thị Bộ	1949	Nhũ Tinh	Quang Khải		50	
37	Vũ Thị Máí	1944	Vũ Xá	Quang Khải		50	
38	Lê Văn Hoài	1990	Bích Cẩm	Quang Phục		50	
39	Lương Thị Cảnh	1956	An Phòng Giang	Quang Phục		50	
40	Phạm Thị Kim Huyền	1986	Tây An	Chí Minh	100		
41	Phạm Thị Chuối	1949	Nam An	Chí Minh	100		
42	Dương Đình Minh	1948	Thôn Cự Lộc	Minh Đức	100		
43	Nguyễn Thị Thị	1957	Mép	Minh Đức	100		
44	Hoàng Văn Hải	1957	Lâm Đồng	Văn Tổ		50	
45	Hà Thị Nga	1954	Ngọc Lâm	Tân Kỳ		50	
46	Vũ Thị Bùi	1955	Hàm Hy	Lạc Phụng	100		
47	Phạm Thị Thơm	1955	Bình Hàn	Lạc Phụng		50	
48	Nguyễn Thị Nhiều	1964	Tất Hạ	Lạc Phụng	100		
49	Đặng Thị Nguyệt	1952	Quý Cao	Nguyên Giáp	100		
50	Trần Văn Phương	1960	Phổ Quý Cao	Nguyên Giáp		50	
51	Bùi Thị Việć	1964	An Phú	Nguyên Giáp		50	
52	Đỗ Thị Xây	1959	An Phú	Nguyên Giáp		50	
53	Đồng Thị Luyềnh	1964	An Thổ	Nguyên Giáp		50	
54	Trương Thị Nhiên	1953	An Thổ	Nguyên Giáp		50	
55	Đồng Thị Thứ	1945	An Thổ	Nguyên Giáp		50	
56	Đồng Thị Tát	1950	An Thổ	Nguyên Giáp		50	
57	Đồng Hữu Hơ	1950	An Thổ	Nguyên Giáp		50	
58	Đồng Thị Nhi	1957	An Thổ	Nguyên Giáp		50	
59	Nguyễn Thị Thường	1949	An Quý	Nguyên Giáp	100		
60	Phạm Thị Hoa	1983	An Thổ	Nguyên Giáp		50	
61	Nguyễn Thị Dân	1963	Quý Cao	Nguyên Giáp	100		
62	Lê Thị Hớn	1947	An Quý	Nguyên Giáp		50	
63	Nguyễn Thị Rĩnh	1947	An Quý	Nguyên Giáp		50	
64	Nguyễn Thị Phùng	1952	An Quý	Nguyên Giáp	100		
65	Nguyễn Thị Gái	1957	An Quý	Nguyên Giáp	100		
66	Nguyễn Thị Lâm	1955	Thượng Hải	Bình Lãng		50	
67	Nguyễn Tất Đào	1968	Thượng Hải	Bình Lãng		50	
68	Nguyễn Văn Bá	1959	Thượng Hải	Bình Lãng	100		
69	Nguyễn Thị Mến	1958	Đông Phong	Bình Lãng		50	
70	Nguyễn Ngọc Minh	1976	Đông Phong	Bình Lãng	100		

71	Nguyễn Văn Bài	1965	Đông Phong	Bình Lăng	100		
72	Nguyễn Thị Chóp	1953	An Hộ	Quang Trung	100		
73	Nguyễn Thị Hào	1959	An Hộ	Quang Trung	100		
74	Phạm Văn Khôi	1992	An Hưng	Quang Trung		50	
75	Đồng Xuân Hè	1957	An Hưng	Quang Trung		50	
76	Đồng Văn Ứng	1954	An Hưng	Quang Trung		50	
77	Vũ Văn Kiên	1990	An Hưng	Quang Trung	100		
78	Đồng Văn Ủi	1954	An Hưng	Quang Trung		50	
79	Đặng Thị Cây	1960	Tứ Hạ	Quang Trung	100		
80	Nguyễn Thị Lanh	1959	Mậu Công	Quang Trung	100		
81	Trần Thị Sơn	1954	An Vĩnh	Quang Trung	100		
82	Trần Thị Hôn	1949	An Vĩnh	Quang Trung		50	
VIII	Huyện Gia Lộc				2,700	600	
1	Bùi Thị Sen	1975	Phong Lâm	Hoàng Diệu	100		
2	Phạm Thị Thịnh	1962	Đại Lương	Hoàng Diệu	100		
3	Nguyễn Thị Hương	1971	Phong Lâm	Hoàng Diệu	100		
4	Nguyễn Thị Mát	1971	Văn Lâm	Hoàng Diệu	100		SC sang XM
5	Vũ Văn Sơn	1994	Nghĩa Hy	Hoàng Diệu		50	
6	Nguyễn Thị Thung	1961	Lai Hà	Hoàng Diệu		50	
7	Nguyễn Thị Lua	1953	Lai Hà	Hoàng Diệu	100		
8	Phan Văn Thanh	1981	Phạm Trung	Toàn Thắng	100		
9	Phạm Thị Ngà	1969	Phạm Trung	Toàn Thắng		50	
10	Phạm Văn Thắc	1979	Điền Nhi	Toàn Thắng		50	
11	Hồ Thị Rát	1951	Đông Hào	Quang Đức		50	
12	Nguyễn Thị Đàm	1958	Thung Độ	Đoàn Thượng	100		
13	Vũ Hùng Khi	1953	Lương Nham	Yết Kiêu	100		SC sang XM
14	Nguyễn Văn Dung	1952	Thượng Bì	Yết Kiêu	100		SC sang XM
15	Đoàn Thị Vườn	1956	Vân Am	Yết Kiêu	100		
16	Phùng Thị Hạnh	1984	Thôn Vĩnh Duệ	Nhật Quang	100		
17	Trịnh Văn Khôi	1942	Thôn Thị Đức	Nhật Quang	100		
18	Hoàng Văn Ảnh	1960	Côi Hạ	Phạm Trấn	100		
19	Trần Mạnh Hào	1960	Thôn Cộng Hòa	Gia Tiến	100		
20	Phạm Thị Côi	1959	Thôn Lũy Dương	Gia Tiến	100		
21	Nguyễn Quang Giang	1972	Thôn Thành Lập	Gia Tiến	100		
22	Bùi Văn Đến	1962	Thôn Tam Lương	Gia Tiến	100		
23	Lê Thị Lữ	1924	Thôn Đông Cạn	Gia Tiến	100		
24	Nguyễn Thị Hiền	1990	Thôn Quán Đào	Gia Tiến	100		
25	Nguyễn Thị Chinh	1959	Thôn Đồng Tâm	Gia Tiến	100		
26	Phạm Thị Thơm	1977	Cao Lý	Gia Phúc	100		
27	Phạm Thị Linh	1959	Lãng Xuyên	Gia Phúc		50	
28	Nguyễn Thị Mười	1957	Đồng Tái	Thống Kênh	100		
29	Đoàn Văn Thứ	1981	Khu 5	Thị trấn Gia Lộc	100		

30	Đỗ văn Linh	1983	Bái Thượng	Toàn Thắng	100		
31	Nguyễn Thị Ngọc	1942	Trúc Lâm	Hoàng Diệu		50	
32	Nguyễn Thị Năng	1954	Quán Đào	Gia Tiến		50	
33	Phạm Văn Khiển	1986	Lũy Dương	Gia Tiến		50	
34	Nguyễn Thị Nhân	1947	Đồng Đội	Thống Kênh		50	
35	Nguyễn Đức Bôn	1954	Cát Hậu	Hồng Hưng		50	
36	Nguyễn Thị Báu	1964	Quỳnh Huê	Thống Nhất		50	
37	Nguyễn Thị Diên	1976	Đồng Trại	Nhật Quang	100		
38	Nguyễn Thị Đông	1984	An Thư	Nhật Quang	100		
39	Đình Văn Thương	1984	Thọ Xương	Quang Đức	100		
IX	Huyện Ninh Giang				3,400	1,050	
1	Vũ Thị Dâu	1952	Xuyên Hử	Bình Xuyên	100		
2	Nguyễn Thị Đoán	1941	Đồng Cao	Bình Xuyên	100		
3	Bùi Thị An	1953	Đồng Cao	Bình Xuyên	100		
4	Nguyễn Thị Đến	1961	Bồng Lai	Bình Xuyên		50	
5	Bùi Văn Vân	1954	Bồng Lai	Bình Xuyên		50	
6	Ngô Thị Yên	1953	Nhân Lý	Bình Xuyên		50	
7	Trần Thị Na	1937	Đồng Bình	Bình Xuyên	100		
8	Phạm Phú Lâm	1986	Thôn 2	Đức Phúc		50	
9	Đoàn Thị Ngọt	1957	Tế Cầu	Đức Phúc	100		
10	Nguyễn Thị Ngư	1948	Thôn 4	Đức Phúc	100		
11	Nguyễn Thị Gái	1942	Tế Cầu	Đức Phúc	100		
12	Nguyễn Thị Tâm	1958	Thượng Đồng	Hồng Dụ	100		
13	Nguyễn Văn Loát	1950	Thượng Đồng	Hồng Dụ		50	
14	Trịnh Đình Duẩn	1975	Tam Tương	Hồng Dụ	100		SC sang XM
15	Nguyễn Thị Lành	1951	Đô Chàng	Hồng Dụ	100		
16	Bùi Thị Bằng	1959	Văn Diệm	Hung Long	100		
17	Bùi Văn Nở	1960	Hào Khê	Hung Long		50	
18	Bùi Văn Ngoạn	1959	Hào Khê	Hung Long	100		
19	Phạm Thị Tuyển	1945	An Cúc	Kiến Phúc	100		
20	Bùi Văn Điện	1963	Cúc Bồ	Kiến Phúc	100		
21	Nguyễn Thị Ảnh	1958	Cúc Thị	Kiến Phúc		50	
22	Bùi Thị Tý	1957	Cúc Thị	Kiến Phúc		50	
23	Bùi Thị Lư	1957	Cúc Thị	Kiến Phúc	100		
24	Vũ Thị Sừng	1955	Đa nghi	Nghĩa An		50	
25	Đào Thị Bội	1953	Đa nghi	Nghĩa An		50	
26	Vũ Xuân Bến	1960	Đa nghi	Nghĩa An		50	
27	Hà Thị Chiêm	1952	An Cư	Nghĩa An	100		
28	Phạm Thị Thi	1965	Do Nghĩa	Nghĩa An	100		
29	Phạm Văn Dư	1975	Trịnh Xuyên	Nghĩa An	100		
30	Nguyễn Thị Chiên	1948	Trịnh Xuyên	Nghĩa An	100		
31	Lưu Thị Luyến	1963	Trịnh Xuyên	Nghĩa An	100		

32	Hà Thị Vòng	1956	La Tiến	Tân Hương		50	
33	Đào Thị Rê	1952	4	Tân Hương		50	
34	Nguyễn Thị Thanh	1960	6	Tân Hương		50	
35	Phạm Thị Ánh	1965	Tiền Liệt	Tân Phong	100		
36	Trần Văn Quân	1981	Tam Tập	Tân Phong		50	
37	Nguyễn Thị Sứ	1957	Hữu Chung	Tân Phong	100		
38	Phạm Văn Thịnh (Phạm Thi Dung)	1986	Thọ Sơn	Tân Quang	100		
39	Vũ Thị Thảo	1958	Hội Xá	Tân Quang		50	
40	Vũ Thị Dinh	1961	Hội Xá	Tân Quang	100		
41	Vũ Thị Thủy	1949	Đoàn Xá	Tân Quang	100		
42	Nguyễn Thị Phơ	1955	Thiên Khánh	Tân Quang		50	
43	Phạm Văn Sai	1938	Đoan Xuyên	Ứng Hòa	100		
44	Nguyễn Thị Liên	1962	Đoan Xuyên	Ứng Hòa		50	
45	Nguyễn Thị Tươi	1956	Đồng Hy	Ứng Hòa		50	
46	Nguyễn Thị Thủy	1974	Giâm Me	Thị trấn Ninh Giang	100		
47	Phạm Văn Trung	1947	Tranh Xuyên	Thị trấn Ninh Giang		50	
48	Phạm Thị Toàn	1957	Tranh Xuyên	Thị trấn Ninh Giang	100		
49	Vũ Thị Thìn	1953	4	Thị trấn Ninh Giang	100		
50	Nguyễn Văn Điều	1951	1	Thị trấn Ninh Giang	100		
51	Bùi Văn Hân	1963	1	Thị trấn Ninh Giang	100		
52	Phạm Thị Nga	1955	2	Thị trấn Ninh Giang	100		
53	Nguyễn Thị Hà	1973	2	Thị trấn Ninh Giang	100		
54	Nguyễn Văn Hường	1988	Đào Lạng	Văn hội	100		
55	Hà Thị Cúc	1939	Ngọc Hoà	Vĩnh Hòa		50	
X	Huyện Thanh Miện				3,200	1,300	
1	Vũ Thị Siu	1961	Thôn Hội Yên	Chi Lăng Nam		50	
2	Nguyễn Thị Thú	1965	Triều Dương	Chi Lăng Nam	100		
3	Hoàng Thị Nhuận	1974	Đội 10, Đạo Lâm	Phạm Kha		50	
4	Nguyễn Thị Loan	1974	Đội 8, Đỗ Hạ	Phạm Kha		50	Đỉnh chính thôn Đạo Lâm thành Đỗ Hạ
5	Bùi Thị Nền	1971	Phù Tài 1	Thanh Giang	100		
6	Nguyễn Đức Tiến	1945	Phù Tài 2	Thanh Giang		50	
7	Nguyễn Thị Ngạch	1961	Phù Tài 2	Thanh Giang	100		
8	Nguyễn Thị Cui	1960	Phù Tài 2	Thanh Giang	100		
9	Vũ Thị Gọn	1950	Đan Giáp	Thanh Giang	100		
10	Nguyễn Thị Hằng	1960	Đội 4, Thôn Đông	Thanh Tùng		50	
11	Nguyễn Đăng Bình	1955	Đoàn Phú	Thanh Tùng		50	
12	Vũ Đình Khải	1978	La Xá	Thanh Tùng	100		
13	Nguyễn Công Tuấn	1983	Đông	Thanh Tùng	100		

14	Phạm Văn Chinh	1982	Đông	Thanh Tùng	100		Đính chính Phạm Văn Chinh thành Phạm Văn Chinh
15	Lê Thị Côi	1966	Xóm 3, Phương Khê	Chi Lăng Bắc	100		
16	Nguyễn Thị Côi	1958	Xóm 3, Phương Khê	Chi Lăng Bắc	100		
17	Nguyễn Thị Nguyên	1978	Xóm 3, Phương Khê	Chi Lăng Bắc		50	
18	Vũ Thị Mít	1949	Xóm 1, Phương Khê	Chi Lăng Bắc		50	
19	Vũ Thị Tuy	1963	Xóm 6, Thôn Tào Khê	Chi Lăng Bắc	100		
20	Đoàn Văn Goong	1957	Xóm 6, Thôn Tào Khê	Chi Lăng Bắc	100		
21	Trần Văn Ấp	1941	Xóm 7, Thôn Phú Khê	Chi Lăng Bắc	100		
22	Vũ Văn Kiên	1972	Xóm 7, Thôn Phú Khê	Chi Lăng Bắc	100		SC sang XM
23	Trần Văn Cương	1962	Xóm 7, Thôn Phú Khê	Chi Lăng Bắc	100		
24	Vũ Thị Vê	1943	Xóm 4, Thôn Tào Khê	Chi Lăng Bắc	100		
25	Vũ Thị Lượng	1978	Vĩnh Mộ	Lê Hồng	100		
26	Ngô Văn Khanh	1957	Chi Trung	Lê Hồng		50	
27	Phạm Thị Thân	1968	Chi Trung	Lê Hồng	100		
28	Phùng Thị Tấn	1953	Thọ Trương	Lam Sơn	100		
29	Trần Văn Oanh	1950	Hoàng Tường	Tân Trào		50	
30	Vũ Văn Can	1950	Ấp Yên	Tân Trào		50	
31	Nguyễn Thị Hà	1987	Ngọc Lập	Tân Trào		50	
32	Trương Thị Nhặt	1958	Đào Lâm	Đoàn Tùng		50	
33	Trần Thị Liên	1954	Phạm Lâm	Đoàn Tùng		50	
34	Bùi Thị Chờ	1962	An Lạc	Thị trấn Thanh Miện		50	XM sang SC
35	Phạm Quang San	1983	Phù Nội	Thị trấn Thanh Miện		50	
36	Trần Đình Nhỡ	1940	Phượng Hoàng Hạ	Thị trấn Thanh Miện		50	
37	An Thị Tâm	1952	An Lạc	Thị trấn Thanh Miện	100		
38	Nguyễn Thị Kim Ngoan	1956	Thống Nhất	Hồng Phong		50	
39	Lê Thanh Kỳ	1946	Quang Trung	Hồng Phong	100		
40	Mai Thị Phin	1934	An Phong	Hồng Phong	100		
41	Nguyễn Thị Phin	1951	My Động 2	Hồng Phong	100		SC sang XM
42	Bùi Thị Lãi	1951	My Trì	Ngũ Hùng		50	
43	Lê Thị Lý	1963	Tiêu Lâm	Ngũ Hùng	100		
44	Trần Thị Vờ	1970	My Trì	Ngũ Hùng		50	
45	Bùi Thị Lá	1960	My Trì	Ngũ Hùng	100		
46	Vũ Thị Mát	1953	Nại Trì	Ngũ Hùng	100		
47	Nguyễn Thị Thêm	1931	La Ngoại	Ngũ Hùng		50	
48	Lê Thị Kết	1963	Tiêu Lâm	Ngũ Hùng	100		
49	Vũ Thị Tân	1947	Thôn Gia Cốc	Tứ Cường		50	
50	Lê Thị Hồng	1957	Gia Cốc	Tứ Cường	100		
51	Bùi Thị Đức	1962	Liên Đông	Hồng Quang		50	
52	Mai Văn Long	1990	An Sơn	Hồng Quang		50	
53	Vũ Thị Lượng	1976	Từ Xá	Đoàn Kết	100		
54	Nguyễn Thị Xòe	1957	Thủ Pháp	Đoàn Kết	100		
55	Nguyễn Duy Hùng	1967	Phạm Xá	Ngô Quyền	100		
56	Đặng Thị Ốc	1950	Phạm Lý	Ngô Quyền		50	
57	Nguyễn Hữu Thảo	1981	Phạm Lý	Ngô Quyền		50	

58	Vũ Thị Hồng	1944	Tiên Lữ	Ngô Quyền	100		
XI	Huyện Cẩm Giàng				2,800	500	
1	Nguyễn Thị Dương	1960	Đông Đồng	Cẩm Hưng	100		
2	Vũ Thị Mến	1963	Đông Xuyên	Cẩm Hưng	100		
3	Nguyễn Thị Thinh	1943	Mậu Duyệt	Cẩm Hưng	100		
4	Nguyễn Thị Thọ	1955	Mậu Duyệt	Cẩm Hưng		50	
5	Nguyễn Thị Mùi	1950	Bình Phiên	Ngọc Liên		50	
6	Trần Thị Tinh	1956	Bình Phiên	Ngọc Liên	100		
7	Nguyễn Thị Luy	1970	Bằng Nghĩa	Ngọc Liên	100		
8	Nguyễn Thị Châu	1963	Bình Phiên	Ngọc Liên		50	
9	Nguyễn Văn Quyết	1972	Cẩm Ngọc	Ngọc Liên	100		
10	Nguyễn Văn Thành	1958	Khu 3	Cẩm Giang		50	
11	Nguyễn Thị Ngân	1947	Kim Quan	Cẩm Giang	100		
12	Nguyễn Văn Hóa	1961	Nguyên Khê	Cẩm Giang	100		
13	Trần Văn Đảo	1966	Thạch Lỗi	Cẩm Giang	100		
14	Nguyễn Khắc Mẫn	1954	Tràng Kênh	Cẩm Giang	100		
15	Cao Quang Vụ	1976	Tràng Kênh	Cẩm Giang	100		
16	Trịnh Ngọc Kiên	1968	Kinh Nguyên	Cẩm Giang	100		
17	Nguyễn Thị Minh	1964	Kim Đôi	Cẩm Hoàng		50	
18	Phạm Thị Thiêm	1963	Xóm Cầu Ba, thôn Văn Thai	Cẩm Văn	100		
19	Hà Thị Oanh	1950	Xóm Cầu Ba, thôn Văn Thai	Cẩm Văn	100		SC sang XM
20	Nguyễn Thị Luyên	1973	Thôn Hoành Lộc	Cẩm Văn	100		
21	Nguyễn Cao Cương	1982	thôn Cao Xá	Cao An	100		
22	Lê Thị Thanh	1979	thôn Phú An	Cao An	100		
23	Vũ Đức Công	1986	thôn Phú An	Cao An		50	
24	Lê Thị Gái	1948	thôn Phú An	Cao An		50	
25	Đào Xuân Trọng	1958	Thôn Đào Xá	Cao An	100		SC sang XM
26	Trần Thị Tuyết	1972	Thôn Thượng	Cẩm Đông	100		
27	Vũ Thị Phơ	1953	Lương Xá	Lương Điền	100		
28	Đào Thị Ngan	1964	Bái Dương	Lương Điền		50	
29	Nguyễn Văn Sáu	1944	Lương Xá	Lương Điền		50	
30	Vũ Bá Tuấn	1978	Lương Xá	Lương Điền	100		
31	Nguyễn Thị Lan	1963	Phúc A	Phúc Điền	100		
32	Lê Thị Châm	1963	Hoàng Hòa	Phúc Điền	100		
33	Nguyễn Thị Nghĩa	1960	Phú Lộc	Cẩm Vũ	100		
34	Nguyễn Thị Luyên	1984	Đan Tràng	Đức Chính	100		
35	Lê Thị Hiền	1994	Lôi Xá	Đức Chính	100		
36	Nguyễn Thị Châm	1950	Yên Vũ	Đức Chính	100		
37	Phạm Thị Măng	1966	Thôn 1	Định Sơn		50	
38	Vũ Thị Mỹ	1953	Đức Trạch	Định Sơn	100		
XII	Huyện Bình Giang				2,700	1,200	
1	Nguyễn Thị Huyền	1973	Lôi Khê	Hồng Khê	100		
2	Phạm Thị Ngâm	1958	Vĩnh Lại	Vĩnh Hưng		50	
3	Nguyễn Thị Huân	1964	Hồ Liễn	Vĩnh Hưng	100		
4	Đào Thị Nhan	1977	Hồ Liễn	Vĩnh Hưng	100		
5	Đổng Văn Hưng	1962	Quán Gối	Vĩnh Hưng		50	
6	Phạm Thị Bé	1950	Ngọc Mai	Vĩnh Hưng	100		
7	Lê Thị Gái	1953	Thôn Bá Hợp	Long Xuyên	100		SC sang XM
8	Nguyễn Thị Ngát	1965	Thôn Bá Hợp	Long Xuyên		50	
9	Lê Thị Thương	1963	Thôn Bá Hợp	Long Xuyên		50	
10	Nguyễn Văn Xoa	1975	Thôn Bá Hợp	Long Xuyên		50	
11	Nguyễn Thị Mai	1982	Khu 1	Kê Sắt		50	XM sang SC
12	Nguyễn Thị Ré	1950	Thị tranh	Thúc Kháng		50	
13	Vũ Thị Tâm	1965	Thị tranh	Thúc Kháng	100		
14	Lê Thị Côm	1964	Châu Khê	Thúc Kháng		50	
15	Đào Thị Bảy	1971	Ngọc Cục	Thúc Kháng	100		
16	Phạm Thị Láng	1948	Ngõ	Bình Xuyên		50	
17	Vũ Huy Bảo	1971	Làng Như	Bình Xuyên	100		

18	Vũ Đình Thủy	1932	Tân Hưng	Tân Việt	100		
19	Vũ Thị Vững	1957	Tân Hưng	Tân Việt		50	
20	Vũ Đình Luyện	1961	Tân Hưng	Tân Việt	100		
21	Nguyễn Thị Nhiên	1985	Tân Hưng	Tân Việt		50	
22	Lê Thị Bót	1957	Tân Hưng	Tân Việt		50	XM sang SC
23	Chu Thị Xòe	1958	Bình An	Tân Việt		50	
24	Vũ Thị Bé	1953	Bình An	Tân Việt		50	
25	Vũ Phú Lãng	1973	Bình An	Tân Việt	100		
26	Dương Thị Can	1957	Trạch Xá	Tân Hồng	100		
27	Dương Thị Quý	1951	Trạch Xá	Tân Hồng		50	
28	Vũ Thị Thuận	1980	Trạch Xá	Tân Hồng	100		
29	Lê Thị Huy	1969	Trạch Xá	Tân Hồng		50	
30	Vũ Xuân Hiếu	1954	Mộ Trạch	Tân Hồng		50	
31	Vũ Thị Chuyển	1949	Mộ Trạch	Tân Hồng		50	
32	Vũ Xuân Tùng	1953	Mộ Trạch	Tân Hồng		50	
33	Vũ Thị Hiền	1949	Mộ Trạch	Tân Hồng		50	
34	Vũ Thị Vượng	1966	My Cầu	Tân Hồng	100		
35	Vũ Thị Tụ	1961	My Cầu	Tân Hồng		50	
36	Vũ Thị Luật	1954	My Cầu	Tân Hồng	100		
37	Vũ Đức Phương	1982	Tuyên Cừ	Tân Hồng		50	
38	Dương Công Nền	1969	Trạch Xá	Tân Hồng		50	XM sang SC
39	Nhữ Văn Vượng	1958	An Đông	Thái Hòa	100		
40	Lê Thị Hoan	1965	An Đông	Thái Hòa		50	XM sang SC
41	Nhữ Thị Đũi	1948	Nhữ Thị	Thái Hòa	100		
42	Nguyễn Đình Tiếp	1964	Ô Xuyên	Cổ Bi	100		
43	Nguyễn Văn Trạm	1964	Cam Xá	Cổ Bi	100		
44	Phạm Văn Duy	1985	Bì Đồ	Cổ Bi	100		
45	Nguyễn Thị Thời	1960	Nhân Kiệt	Hùng Thắng	100		
46	Phạm Văn Thường	1967	Lương Phúc	Hùng Thắng	100		SC sang XM
47	Vũ Hữu Hiếu	1975	Tuấn	Hùng Thắng	100		
48	Vũ Thị Bông	1939	Bá Đông	Thái Minh	100		
49	Nguyễn Văn Tứ	1974	Bá Đông	Thái Minh	100		
50	Vũ Thị Hiện	1973	Sôi Cầu	Thái Minh	100		
51	Lê Thị Lâm	1955	Thôn Tó	Thái Minh	100		
	Tổng				37,300	11,250	